

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH ĐỊA CHẤT HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2019/QĐ-KHTN-ĐT ngày 30/9/2016  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên)

- Tên chương trình: **Cử nhân Địa chất học**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**
- Ngành đào tạo: **Địa chất học**
- Mã ngành: **52440201**
- Loại hình đào tạo: Chính quy

### 1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

#### a. Mục tiêu chung

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có kiến thức nền tảng và chuyên môn vững vàng, có trí lực, phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp tốt nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực cho lĩnh vực địa chất nói riêng cũng như cho sự phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

#### b. Mục tiêu cụ thể

Sinh viên tốt nghiệp ngành Địa chất học được trang bị các kiến thức và kỹ năng:

1. Kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, chính trị xã hội và kinh tế, đáp ứng cho sự phát triển toàn diện của cá nhân.
2. Kiến thức nền tảng địa chất vững vàng và chuyên môn sâu đủ năng lực giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực được đào tạo.
3. Các kỹ năng cá nhân, kỹ năng giao tiếp xã hội, kỹ năng làm việc nhóm và đạo đức nghề nghiệp tốt đáp ứng môi trường làm việc chuyên nghiệp đa ngành, đa quốc gia.
4. Kỹ năng tư duy hệ thống từ phát hiện vấn đề, hình thành ý tưởng, xây dựng kế hoạch, triển khai hoạt động trong thực tiễn nghề nghiệp và xã hội.

### c. Chuẩn đầu ra

STT	CHUẨN ĐẦU RA
	<b>KIẾN THỨC KHOA HỌC CƠ BẢN</b>
1	Nắm vững và vận dụng các kiến thức toán học (giải tích, xác suất thống kê, đại số tuyến tính)
2	Nắm vững và vận dụng các kiến thức hóa học (hóa hữu cơ, hóa vô cơ, hóa lý)
3	Nắm vững và vận dụng các kiến thức vật lý (quang, cơ điện, hạt nhân)
4	Hiểu biết các vấn đề kinh tế, chính trị và xã hội, mức độ sơ cấp
	<b>KIẾN THỨC NỀN TẢNG CƠ SỞ</b>
5	Nắm vững kiến thức địa chất cơ sở (khoa học trái đất) gồm: Khoáng vật, thạch học, cổ sinh, địa tầng, kiến tạo, địa mạo và phương pháp phân tích ảnh viễn thám.
6	Nắm vững kiến thức địa chất cơ sở ngành: địa chất công trình - địa chất thủy văn, địa chất môi trường, địa chất dầu khí, địa chất khoáng sản
7	Nắm vững kiến thức địa chất Việt Nam và vùng lân cận
	<b>KIẾN THỨC ĐỊA CHẤT CHUYÊN NGÀNH</b>
8	Nắm vững và vận dụng kiến thức chuyên ngành địa chất công trình - địa chất thủy văn trong khảo sát và lập báo cáo địa chất công trình - địa chất thủy văn
9	Nắm vững và vận dụng các kiến thức chuyên ngành địa chất môi trường về khảo sát, đánh giá biến đổi môi trường địa chất, tai biến địa chất, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trong hoạt động địa chất
10	Nắm vững và vận dụng kiến thức chuyên ngành địa chất dầu khí cho công tác tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí
11	Nắm vững và vận dụng tổng hợp các kiến thức chuyên ngành địa chất khoáng sản trong công tác tìm kiếm thăm dò và khai thác khoáng sản
12	Nắm vững và vận dụng tổng hợp các kiến thức chuyên ngành ngọc học trong công tác tìm kiếm thăm dò và giám định đá quý, đá mỹ nghệ
	<b>KỸ NĂNG VÀ ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP</b>
	<b>KỸ NĂNG PHÁT TRIỂN CÁ NHÂN</b>
13	Có khả năng tư duy độc lập, sáng tạo
14	Có khả năng thích nghi với môi trường mới
15	Có khả năng tự học hỏi, nâng cao trình độ
	<b>KỸ NĂNG NGHỀ NGHIỆP</b>
16	Có khả năng vận dụng các kỹ năng khảo sát thực địa, thí nghiệm hiện trường
17	Có khả năng nghiên cứu trong phòng thí nghiệm
18	Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học ứng dụng chuyên ngành.
19	Có khả năng tổng hợp, phân tích đánh giá dữ liệu
20	Có khả năng nghiên cứu khoa học một cách độc lập

STT	CHUẨN ĐẦU RA
	<b>ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP</b>
21	Thể hiện tính trung thực trong nghề nghiệp
22	Thể hiện tính trách nhiệm, tính kỉ luật cao và tuân thủ qui định của nghề nghiệp
	<b>KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM</b>
23	Có kỹ năng làm việc nhóm
24	Lập kế hoạch, quản lý và phát triển nhóm
25	Có kỹ năng thành lập và lãnh đạo nhóm
	<b>KỸ NĂNG GIAO TIẾP XÃ HỘI</b>
26	Có khả năng giao tiếp bằng văn bản
27	Có khả năng diễn đạt, trình bày và thảo luận trước hội nghị
28	Có kỹ năng phát triển các mối quan hệ xã hội
	<b>KỸ NĂNG GIAO TIẾP NGOẠI NGỮ</b>
29	Có khả năng giao tiếp bằng Anh ngữ
30	Có kỹ năng đọc và viết tốt Anh ngữ
31	Hiểu và sử dụng tốt Anh ngữ chuyên ngành
	<b>PHÂN TÍCH BỐI CẢNH</b>
32	Hiểu biết bối cảnh xã hội có liên quan đến ngành nghề
33	Nắm bắt và đánh giá bối cảnh công ty và doanh nghiệp
34	Nhận định được vấn đề phát sinh
	<b>THIẾT KẾ VÀ THỰC HÀNH KỸ THUẬT</b>
35	Có khả năng phác thảo ý tưởng
36	Có khả năng phân tích và lựa chọn giải pháp
37	Có khả năng thiết kế và làm việc đa ngành, đa mục tiêu
	<b>TRIỂN KHAI VÀ VẬN HÀNH</b>
38	Có khả năng lập kế hoạch triển khai hoạt động
39	Có kỹ năng phân tích quy trình hoạt động
40	Có khả năng tối ưu hóa, cải tiến quy trình hoạt động
41	Lập kế hoạch quản lý quá trình vận hành

#### d. Cơ hội nghề nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng và cơ hội học tập, nghiên cứu và làm việc trong các viện nghiên cứu, các cơ quan quản lý Nhà nước và các công ty hoạt động trong lĩnh vực địa chất hoặc các lĩnh vực có liên quan trong nước và quốc tế.

#### 2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

#### 3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC: 133 tín chỉ.

#### 4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## 5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO

- a. Quy trình đào tạo: Căn cứ Quy chế học vụ Đào tạo đại học và cao đẳng theo Hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1167/QĐ-KHTN-ĐT ngày 25 tháng 08 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia TP.Hồ Chí Minh.
- b. Điều kiện tốt nghiệp: tích lũy đủ số tín chỉ của khối kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp như đã mô tả ở mục 6 và mục 7 của CTĐT này, đồng thời thỏa các điều kiện tại Điều 28 Quy chế học vụ Đào tạo đại học và cao đẳng theo Hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1167/QĐ-KHTN-ĐT ngày 25 tháng 08 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên.

## 6. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH

S T T	KHỐI KIẾN THỨC	SỐ TÍN CHỈ (TC)				Tổng số TC tích lũy khi tốt nghiệp (1+2+3+ 4)	GHI CHÚ
		Bắt buộ c	Tự chọ n	Tự chọn tự do	Tổ n g cộng		
1	Giáo dục đại cương (không kể môn GDQP, GDTC, tin học cơ sở và ngoại ngữ) (1)	42	5		47		
2	Cơ sở ngành (2)	56	0		56		133
	Chuyên ngành (3)	30	0		30	(*)	
	1	Địa chất Khoáng sản	20	0		20	(*)
	2	Ngọc học	20	0		20	
	3	Địa chất Dầu khí	20	0		20	
	4	Địa chất Thủy văn - Địa chất Công trình	20	0		20	
	5	Địa chất Môi trường	20	0		20	
	6	Địa chất biển	20	0		20	
		Tốt nghiệp (4)	10			10	

### Ghi chú:

- Cột Tự chọn tự do đánh dấu 'X' nếu có.
- Điền vào dòng (\*) nếu số TCTL các chuyên ngành giống nhau.
- Điền vào dòng (\*\*) nếu số TCTL các chuyên ngành khác nhau.